

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4.2018

cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4.2018 của Công ty cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư HVA (tên cũ là Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt - tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp An Hưng) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104659943 ngày 19 tháng 5 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Nông nghiệp xanh Hưng Việt sang Công ty Cổ phần Đầu tư HVA theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 được cấp ngày 23 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

- Kinh doanh cà phê hạt khô;
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 14, toà nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2018
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 8 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2018
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Tấn Lộc Louis	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Trương Thế Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Đình Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 1 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vương Lê Vĩnh Nhân	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 1 năm 2019
Ông Trương Thế Huy	Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019
Ông Trương Thế Huy	Phó Tổng Giám Đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 10 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Diệp	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019
Bà Đỗ Thị Hà	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hạn chế của Tổng Giám Đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018; Ban lãnh đạo mới không nhận được sự bàn giao của Ban lãnh đạo cũ nên không có hồ sơ để xem xét, đối soát. Báo cáo tài chính Q4/2018 được lập và trình bày dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính bán niên lập năm 2018 lập vào ngày 14 tháng 1 năm 2019 và có bổ sung thêm một số nghiệp vụ phát sinh trong quý 4 năm 2018 khi Ban lãnh đạo mới quản lý

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu kỳ (01/01/2018)
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26,527,463,816	28,296,613,472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		631,585,345	598,982,714
1. Tiền	111	VI.01	631,585,345	598,982,714
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25,234,213,293	27,607,312,829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03.a	9,868,140,086	12,141,472,229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		71,450,700	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1,667,000,000	1,667,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04.a	15,748,404,250	13,798,840,600
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,120,781,743)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05		
IV. Hàng tồn kho	140	VI.07	520,931,515	55,447,632
1. Hàng tồn kho	141		520,931,515	55,447,632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140,733,663	34,870,297
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13.a	115,072,827	5,822,776
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23,906,075	29,047,521
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.17.b	1,754,761	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14.a		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50,088,960,766	50,424,379,941
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.03.b		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.04.b		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Công ty Cổ phần Đầu Tư HVA
Tầng 14, Tòa Nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu kỳ (01/01/2018)
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		463,484,849	523,939,395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	463,484,849	523,939,395
- Nguyên giá	222		604,545,455	604,545,455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(141,060,606)	(80,606,060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.11	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.08		
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.08.a		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08.b		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		49,625,475,917	49,790,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		49,790,000,000	49,790,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(164,524,083)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			110,440,546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13.b		110,440,546
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	VI.24.a		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.14.b		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		76,616,424,582	78,720,993,413
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13,670,064,984	13,285,429,429
I. Nợ ngắn hạn	310		13,538,564,984	12,030,049,429
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16.a	3,633,873,520	6,120,565,388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17.a	9,770,496	76,213,104
4. Phải trả người lao động	314		178,093,737	186,962,835
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18.a	218,507,523	46,293,695
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20.a		
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19.a	4,479,112,700	1,128,934,407
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		5,019,207,008	4,471,080,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.23.a		

Công ty Cổ phần Đầu Tư HVA
Tầng 14, Tòa Nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà

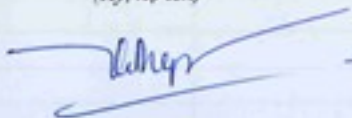
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số đầu kỳ (01/01/2018)
1	2	3	4	5
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		131,500,000	1,255,380,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18.b		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.20.b		
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19.b		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		131,500,000	1,255,380,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.24.b		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.23.b		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62,946,359,598	65,435,563,984
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	62,946,359,598	65,435,563,984
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56,500,000,000	56,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56,500,000,000	56,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(106,363,636)	(106,363,636)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6,552,723,234	9,041,927,620
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6,658,183,314	3,900,292,850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(105,460,080)	5,141,634,770
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	VI.28		
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		76,616,424,582	78,720,993,413

Công ty Cổ phần Đầu Tư HVA
Tầng 14, Tòa Nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà

Lập, Ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

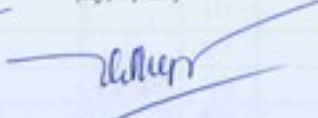
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Diệp

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Công ty Cổ phần Đầu Tư HV/A
Tầng 14, Tòa Nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay Q4/2018	Quý này năm trước Q4/2017	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
					Từ 01/01/2018 - 31/12/2018	Từ 01/01/2017 - 31/12/2017
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	-	1,174,767,000	15,680,960,600	29,324,125,728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VII.3	-	1,174,767,000	15,680,960,600	29,324,125,728
4. Giá vốn hàng bán	11		-	595,882,223	14,386,223,000	27,409,942,880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	578,884,777	1,294,737,600	1,914,182,848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3,968	362,667,642	204,899,484	6,172,334,706
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	53,967,134	143,707,734	553,720,637	445,194,129
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	292,323,092	-
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	-	-	-	12,000,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	51,496,914	686,569,031	3,435,244,005	1,694,013,047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		(105,460,080)	111,275,654	(2,489,327,558)	5,935,310,378
11. Thu nhập khác	31	VII.6	-	50,079,000	1,815,378	44,079,000
12. Chi phí khác	32	VII.7	-	109,351,877	1,692,206	711,563,188
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(59,272,877)	123,172	(667,484,188)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(105,460,080)	52,002,777	(2,489,204,386)	5,267,826,190
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	-	49,126,731	-	120,241,905
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(105,460,080)	2,876,046	(2,489,204,386)	5,147,584,285
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Ghi chú: (*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần


Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Diệp

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Diệp

Lập, Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17,989,973,105	41,779,172,156
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(17,454,010,293)	(28,924,236,312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,003,779,000)	(1,008,483,551)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(191,214,233)	(436,900,434)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(70,487,497)	(700,694,515)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18,962,317,000	17,490,102,021
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21,402,200,438)	(14,955,732,390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,169,401,356)	13,243,226,975
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5,740,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,740,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(15,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,810,940,472	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,810,940,472	(15,000,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			

Công ty Cổ phần Đầu Tư HVA
Tầng 14, Tòa Nhà Hàn Việt, 203 Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
1	2	3	4	5
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,571,242,794	9,957,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,180,179,279)	(8,120,040,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(608,936,485)</i>	<i>1,836,960,000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		32,602,631	80,186,975
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		598,982,714	518,792,161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	631,585,345	598,979,136

Lập, Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

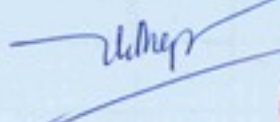
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Diệp



Nguyễn Thị Diệp



- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

- Kinh doanh cà phê hạt khô;
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp;

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty liên kết gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Nguyên)	Thôn 2, xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá
Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199	Tầng 2, số 13 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần Thạch Thành Xuân	Số 18 ngõ 32 phố Phan Văn Trường, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán .

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau: Phương tiện vận tải - 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	552.609.875	538.193.814
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.978.470	60.788.900
Cộng	631.585345	598.982.714

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên kết		49.790.000.000	(164.524.083)			49.790.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Nguyên) ^(a)	46,60	28.000.000.000	-		46,60	28.000.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199 ^(b)	30,00	6.000.000.000	-		30,00	6.000.000.000	-	
+ Công ty Cổ phần Thạch Xuân ^(c)	47,85	15.790.000.000	(164.524.083)		47,85	15.790.000.000	-	
Cộng		49.790.000.000	(164.524.083)			49.790.000.000	-	

Tên đơn vị

Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Nguyên)
 Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng 199
 Công ty Cổ phần Thạch Xuân

Hoạt động chính

Nuôi trồng thủy sản công nghệ cao

Thị công xây dựng công trình
 Kinh doanh thương mại, trồng trọt, chăn nuôi

Hoạt động trong kỳ

Nuôi trồng thủy sản

Thị công xây dựng công trình
 Chưa triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh nào

(a) Công ty nắm giữ 280.000 cổ phần, tương ứng mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Nguyên). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Nông nghiệp HASOCO là 56.500.000.000 đồng, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 60.000.000.000 đồng, vốn điều lệ các cổ đông khác góp thiếu là 3.500.000.000 đồng.

(b) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 60.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng 199, tương ứng với mệnh giá 100.000 đồng/ cổ phần.

(c) Công ty nắm giữ 1.579.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thạch Xuân, tương ứng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thạch Xuân là 31.590.000.000 đồng, vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 33.000.000.000 đồng, vốn điều lệ các cổ đông khác góp thiếu là 1.410.000.000 đồng.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.868.140.086	12.141.472.229
- Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	4.521.165.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thảo Kiệt	3.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản phía Nam	265.610.600	5.369.000.000
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	1.489.952.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	341.412.486	761.355.229
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	9.868.140.086	12.141.472.229

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.667.000.000	-	1.667.000.000	-
- Ông Hoàng Thế Quân (*)	1.667.000.000	-	1.667.000.000	-
Cộng	1.667.000.000	-	1.667.000.000	-

(*): Khoản cho ông Hoàng Thế Quân vay theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 032/2016/NQ – HDQT ngày 24 tháng 3 năm 2016, hợp đồng nguyên tắc tín dụng số 001/2016/HĐNTTD-NNX ngày 31 tháng 3 năm 2016 và các phụ lục gia hạn hợp đồng, lãi suất 9%/năm.

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	15.748.404.250	-	13.798.840.600	-
- Tạm ứng	5.700.000.000	-	2.500.000	-
+ Ông Nguyễn Khánh Toàn (*)	2.450.000.000	-	-	-
+ Ông Lê Văn An (*)	1.500.000.000	-	-	-
+ Ông Phạm Đức Hoàn (*)	1.250.000.000	-	1.250.000.000	-
+ Mai Quang Thịnh (*)	500.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	10.048.404.250	-	10.188.404.250	-
- Phải thu khác	-	-	3.607.936.350	-
+ Lãi tiền cho vay	-	-	281.504.350	-
+ CTCP Thực phẩm Bắc Việt Yên Châu (cổ tức phải thu)	-	-	3.100.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Nguyên (Cổ tức phải thu)	-	-	224.542.000	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	1.890.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.748.404.250	-	13.798.840.600	-

(*) Là các khoản tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện dự án Izichain.

(**) Trong đó, 10.000.000.000 đồng là khoản đặt cọc bằng tiền mặt cho Công ty Cổ phần Xuất khẩu Nông sản Phía Nam để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng mua hạt tiêu xô. Thời hạn của hợp đồng được tính kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 31 tháng 8 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sao Xanh	1.489.952.000	744.976.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Công nghiệp Trường An	4.521.165.000	3.164.815.500	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	38.912.486	19.456.243	-	-
Cộng	6.050.029.486	3.929.247.743	-	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	520.931.515	-	55.447.632	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	520.931.515	-	55.447.632	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>604.545.455</i>	<i>604.545.455</i>
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>604.545.455</i>	<i>604.545.455</i>
Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu quý</i>	<i>125.946.969</i>	<i>125.946.969</i>
- Khấu hao trong kỳ	15.113.637	15.113.637
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối quý</i>	<i>141.060.606</i>	<i>141.060.606</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>523.939.395</i>	<i>523.939.395</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>463.484.849</i>	<i>463.484.849</i>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 604.545.455 đồng và 478.598.486 đồng đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	-	<i>580.694</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	580.694
<i>Dài hạn</i>	<i>115.072.827</i>	<i>150.083.080</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	23.502.970
- Chi phí trả trước khác	115.072.827	126.580.110
Cộng	115.083.827	150.663.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	4.471.080.000	4.471.080.000	966.087.008	1.125.000.000	4.312.167.008	4.312.167.008
- Vay đối tượng khác	4.125.000.000	4.125.000.000	917.926.287	1.125.000.000	3.917.926.287	3.917.926.287
+ Ông Nguyễn Khánh Toàn (a)	4.125.000.000	4.125.000.000	-	1.125.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Trustpay (b)	-	-	917.926.287	-	917.926.287	917.926.287
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	346.080.000	346.080.000	48.160.721	-	394.240.721	394.240.721
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (c)	95.880.000	95.880.000	6.567.608	-	102.447.608	102.447.608
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền (d)	250.200.000	250.200.000	41.593.113	-	291.793.113	291.793.113
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.255.380.000	1.255.380.000	-	548.340.000	707.040.000	707.040.000
b1. Vay dài hạn	1.255.380.000	1.255.380.000	-	548.340.000	707.040.000	707.040.000
Từ 1 năm đến 5 năm	1.255.380.000	1.255.380.000	-	548.340.000	707.040.000	707.040.000
- Vay ngân hàng	1.255.380.000	1.255.380.000	-	548.340.000	707.040.000	707.040.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội (c)	255.780.000	255.780.000	-	47.940.000	207.840.000	207.840.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền (d)	999.600.000	999.600.000	-	500.400.000	499.200.000	499.200.000
Cộng	5.726.460.000	5.726.460.000	966.087.008	1.673.340.000	5.019.207.008	5.019.207.008

(a) Khoản vay ông Nguyễn Khánh Toàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐTD/HVA ngày 24/7/2017 với hạn mức 7.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay, lãi suất 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tin chấp.

(b) Khoản vay Công ty Cổ phần Trustpay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐTD/HVA ngày 16/3/2018 với hạn mức 1.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động của Công ty, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Và Hợp đồng tín dụng số 25072018/HDV ngày 25/07/2018 với hạn mức là 1.000.000.000 VND, thời hạn là 6 tháng, lãi suất là 12%/năm.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 186/2016/HĐTD/PVB ngày 25 tháng 8 năm 2016 để mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là ô tô Ford Ranger được mua từ vốn vay. Lãi suất vay 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay từng lần số 120617-3526675-01-SME ngày 19 tháng 6 năm 2017 để thanh toán mua hạt tiêu theo hóa đơn số 66 ngày 22/3/2017 cho công ty TNHH Hải Sơn, theo hợp đồng bảo lãnh số 120617-3526675-01-SME/HDBL ngày 19/6/2017 giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Ngọc Sơn và bên vay và bên ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất 19%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

c. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi suất (%)	Gốc	Lãi suất (%)
Vay ngắn hạn				
- Ông Nguyễn Khánh Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	3.000.000.000	7	4.125.000.000	7
Cộng	3.000.000.000		4.125.000.000	

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Doanh nghiệp tư nhân Hồng Thắm	3.633.873.520	3.633.873.520	6.120.565.388	6.120.565.388
- Công ty TNHH Hải Sơn	748.373.520	748.373.520	748.373.520	748.373.520
- Công ty TNHH Đức Hòa Đắk Lắk	2.600.000.000	2.600.000.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	285.500.000	285.500.000	5.005.000.000	5.005.000.000
b. Phải trả người bán dài hạn				
Cộng	3.633.873.520	3.633.873.520	6.120.565.388	6.120.565.388

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.732.736	-	70.487.497	1.754.761	-
- Thuế thu nhập cá nhân	7.480.368	17.583.902	15.293.774	-	9.770.496
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	76.213.104	-	-	1.754.761	9.770.496

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	218.507.523	46.293.695
- Chi phí lãi vay	218.507.523	46.293.695
b. Dài hạn	-	-
Cộng	218.507.523	46.293.695

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	4.479.112.700	1.128.934.407
- Kinh phí công đoàn	34.807.700	27.127.700
- Bảo hiểm xã hội	18.765.000	-
- Bảo hiểm y tế	2.520.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.020.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.422.000.000	1.101.806.707
+ Ông Mai Văn Hạnh	-	50.000.000
+ Ông Phan Thanh Dũng (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Ông Đặng Quang Cảnh (**)	50.000.000	50.000.000
+ Ông Nguyễn Khánh Toàn (**)	1.000.000.000	-
+ Bà Mai Lệ Huyền (**)	1.000.000.000	-
+ Ông Kỳ Vi Trung (**)	500.000.000	-
+ Ông Hà Xuân Trường (**)	100.000.000	-
+ Ông Lê Mạnh Hùng (**)	135.000.000	-
+ Ông Đặng Thị Hằng (**)	100.000.000	-
+ Ông Khuyến Nga Ngọc (**)	210.000.000	-
+ Ông Nguyễn Thành Chung (**)	1.500.000	-
+ Ông Nguyễn Thanh Tuấn (**)	1.500.000	-
+ Ông Nguyễn Hoài Tâm (**)	24.000.000	-
+ Ông Đình Quốc Đông (**)	200.000.000	-
+ Ông Trương Hy (**)	50.000.000	-
+ Ông Huỳnh Minh Mẫn (**)	50.000.000	-
+ Các đối tượng khác	-	1.806.707
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.479.112.700	1.128.934.407

(*) : Là khoản tiền ông Phan Thanh Dũng đặt cọc mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ.

(**) : Là khoản tiền thu của nhà đầu tư theo dự án Izichain "Cho vay ngang hàng trên nền tảng Blockchain". Theo đó, số tiền này sẽ được quy đổi ra lượng token tương ứng. Trong thời gian làm chủ sở hữu tài sản số Izi token, các cá nhân này có đầy đủ tất cả các quyền của nhà đầu tư góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh ủy quyền cho Công ty thực thi quyền của Nhà đầu tư theo quy định của Pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.500.000.000	(106.363.636)	3.900.292.850	60.293.929.214
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	5.141.634.770	5.141.634.770
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	56.500.000.000	(106.363.636)	9.041.927.620	65.435.563.984
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong quý này	-	-	(2.489.204.386)	(2.489.204.386)
Lãi trong quý này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong quý này	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận quý này	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	56.500.000.000	(106.363.636)	6.552.723.234	62.946.359.598

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Vốn góp của các cổ đông	56.500.000.000	100	56.500.000.000	100
Cộng	56.500.000.000	100	56.500.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.500.000.000	56.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	56.500.000.000	56.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.650.000	5.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.650.000	5.650.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Doanh thu bán hàng	15.324.210.600	28.149.358.728
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	356.750.000	-
Cộng	<u>15.680.960.600</u>	<u>28.149.358.728</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.386.223.000	26.814.060.657
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Cộng	<u>14.386.223.000</u>	<u>26.814.060.657</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	204.894.122	5.809.667.064
Cộng	<u>204.894.122</u>	<u>5.809.667.064</u>

04. Chi phí tài chính

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Lãi tiền vay	292.323.092	301.486.395
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	164.524.083	-
Cộng	<u>169.464.258</u>	<u>301.486.395</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm ngừng sử dụng	-	-
- Các khoản bị phạt	666.622	-
- Các khoản khác	1.025.584	602.211.311
Cộng	1.692.206	602.211.311

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	51.496.914	59.383.764
- Chi phí nhân viên quản lý	746.297.218	-
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	64.900.644	36.752.334
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.340.909	15.113.637
- Thuế, phí và lệ phí	3.126.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.421.745	102.793
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	64.991.982	7.415.000
- Chi phí dự phòng	2.120.781.743	-
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Cộng	3.375.860.241	59.383.764

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.489.204.386)	(2.281.455.608)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	666.622
Các khoản bị phạt	-	666.622
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(2.489.204.386)	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.489.204.386)	Không áp dụng
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>-</u>	<u>-</u>

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(2.489.204.386)	
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.489.204.386)	Không áp dụng
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.650.000	
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>-</u>	<u>-</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018</u>	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.158.138.557	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.454.546	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	355.565.810	-
- Chi phí khác bằng tiền	133.443.951	-
- Chi phí dự phòng	2.120.781.743	-
Cộng	<u>3.828.384.607</u>	<u>-</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài ra, ngày 24 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã có nghị quyết số 2412/2018/NQ-HĐQT về việc thoái vốn khỏi các Công ty liên kết và phương án xử lý các khoản tồn thất tài chính của Ban lãnh đạo cũ. Theo đó, Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn đã đầu tư tại các Công ty liên kết. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Khánh Toàn – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, nguyên Tổng Giám đốc và ông Lê Văn An – Nguyên Giám đốc tài chính thực hiện bàn giao hồ sơ, tài liệu của Công ty đang chiếm giữ trái phép cho Ban lãnh đạo mới theo quy định và yêu cầu các cá nhân này phối hợp với Ban lãnh đạo mới để thực hiện hoàn ứng các khoản tạm ứng không đúng quy định dẫn đến các khoản tạm ứng không thể thu hồi

02. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ			Tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 186/2016/HĐTD/PVB ngày 25 tháng 8 năm 2016, tài sản được giải chấp khi trả hết gốc vay.
Ô tô tải nhãn hiệu Ford ranger	604.545.455	463.484.849	
Cộng	604.545.455	463.484.849	
Số đầu năm			
Ô tô tải nhãn hiệu Ford ranger	604.545.455	478.598.486	
Cộng	604.545.455	478.598.486	

03. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty, được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HVA

Tầng 14 tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và cho vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

06. Thông tin so sánh

Công ty hiện không có thông tin nào để so sánh vì Ban lãnh đạo mới chưa nhận được bản giao hồ sơ chứng từ để xem xét, đối soát

07. Thông tin khác:

Hạn chế của Tổng Giám Đốc trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán quý 3 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018; Ban lãnh đạo mới không nhận được sự bàn giao của Ban lãnh đạo cũ nên không có hồ sơ để xem xét, đối soát. Báo cáo tài chính Q3/2018 được lập và trình bày dựa trên cơ sở Báo cáo tài chính bán niên lập năm 2018 lập vào ngày 14 tháng 1 năm 2019 và có bổ sung thêm một số nghiệp vụ phát sinh trong quý 4 năm 2018 mà Ban lãnh đạo mới quản lý

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Diệp

Nguyễn Thị Diệp

Vương Lê Vĩnh Nhân